1. ***Tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN qua các năm***

***Bảng 1: Bảng phân bổ tỷ lệ đóng BHXH từ 01/01/2007 đến nay***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Người sử dụng lao động (%)** | | | | **Người lao động (%)** | | | **Tổng cộng (%)** |
| BHXH | BHYT | BHTN | BHTNLĐ, BNN | BHXH | BHYT | BHTN |
| Từ 01/01/2007-31/12/2008 | 15 | 2 | 0 | 0 | 5 | 1 | 0 | 23 |
| Từ 01/01/2009-31/12/2009 | 15 | 2 | 1 | 0 | 5 | 1 | 1 | 25 |
| Từ 01/01/2010-31/12/2011 | 16 | 3 | 1 | 0 | 6 | 1,5 | 1 | 28,5 |
| Từ 01/01/2012-31/12/2013 | 17 | 3 | 1 | 0 | 7 | 1,5 | 1 | 30,5 |
| Từ 01/2014 đến 05/2017 | 18 | 3 | 1 | 0 | 8 | 1,5 | 1 | 32,5 |
| Từ 06/2017 đến nay | 17 | 3 | 1 | 0.5 | 8 | 1.5 | 1 | 32 |

- Trước ngày 01/06/2017 tỷ lệ trích nộp BHXH của người sử dụng lao động sẽ được phân bổ vào quỹ: Hưu trí - tử tuất; ốm đau – thai sản; TNLĐ – BNN

- Từ ngày 01/06/2017 tỷ lệ trích nộp BHXH của người sử dụng lao động được phân bổ vào quỹ: Hưu trí – tử tuất, ốm đau – thai sản

- Tỷ lệ trích nộp BHXH của người lao động sẽ được phân bổ vào quỹ hưu trì – tử tuất.

***2. Mức tiền lương đóng BHXH, BHYT, BHTN***

- Căn cứ tiền lương để đóng BHXH, BHYT, BHTN: Là tiền lương tháng được ghi trong hợp đồng lao động.

+ Từ ngày 01/01/2016, tiền lương tháng đóng BHXH: Mức lương và phụ cấp.

+ Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

- Mức tiền lương tháng *thấp nhất* để tính mức đóng BHXH, BHYT, BHTN là mức lương tối thiểu vùng.

- Mức lương *cao nhất* để tham gia bảo hiểm:

+ BHXH, BHYT không được cao hơn 20 lần mức lương cơ sở

+ BHTN không được cao hơn 20 lần mức lương tối thiểu vùng

**Bảng 2: Mức lương cơ sở giai đoạn từ 01/05/2016 đến nay**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Mức lương cơ sở** | **Căn cứ pháp lý** |
| Từ 01/05/2016 đến 30/6/2017 | 1.210.000 đồng/tháng | Nghị định 47/2016/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang |
| Từ 01/07/2017 đến 30/06/2018 | 1.300.000 đồng/tháng | Nghị định 47/2017/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang |
| Từ 01/07/2018 đến nay | 1.390.000 đồng/tháng | [Nghị định 72/2018/NĐ-CP](https://baohiemxahoidientu.vn/van-ban/chi-tiet/quy-dinh-muc-luong-co-so-doi-voi-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-va-luc-luong-vu-trang-ap-dung-tu-ngay-01-07-2018) quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lương vũ trang |

***Bảng 3: Mức lương tối thiểu vùng giai đoạn 2016 – 2019***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Mức lương tối thiểu vùng 2016** | **Mức lương tối thiểu vùng 2017** | **Mức lương tối thiểu vùng 2018** | **Mức lương tối thiểu vùng 2019** |
| **Căn cứ Nghị định** | Số 122/2015/NĐ-CP | Số 153/2016/NĐ-CP | Số 141/2017/NĐ-CP | [Số 157/2018/NĐ-CP](https://baohiemxahoidientu.vn/van-ban/chi-tiet/157-2018-nd-cp) |
| **Thời gian áp dụng** | 01/01/2016–31/12/2016 | 01/01/2017-31/12/2016 | 01/01/2018 –31/12/2018 | 01/01/2019-31/12/2019 |
| Vùng I | 3.500.000 đồng/tháng | 3.750.000 đồng/tháng | 3.980.000 đồng/tháng | 4.180.000 đồng/tháng |
| Vùng II | 3.100.000 đồng/tháng | 3.320.000 đồng/tháng | 3.530.000 đồng/tháng | 3.710.000 đồng/tháng |
| Vùng III | 2.700.000 đồng/tháng | 2.900.000 đồng/tháng | 3.090.000 đồng/tháng | 3.250.000 đồng/tháng |
| Vùng IV | 2.400.000đồng/tháng | 2.580.000đồng/tháng | 2.760.000đồng/tháng | 2.920.000 đồng/tháng |

**Lưu ý**:

 Đơn vị căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị định 49/2013 NĐ/CP để quy định bổ sung mức lương cho các vị trí công việc qua đào tạo hoặc lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

“*3. Mức lương thấp nhất (khởi điểm) của công việc hoặc chức danh trong thang lương, bảng lương do công ty xác định trên cơ sở mức độ phức tạp của công việc hoặc chức danh tương ứng với trình độ, kỹ năng, trách nhiệm, kinh nghiệm để thực hiện công việc hoặc chức danh, trong đó:*

*a) Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;*

*b) Mức lương thấp nhất của công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định;*

*c) Mức lương của công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 5%; công việc hoặc chức danh có điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương của công việc hoặc chức danh có độ phức tạp tương đương, làm việc trong điều kiện lao động bình thường.”*